

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính quý  
cho giai đoạn chín tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2013

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 13 tháng 6 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 13 tháng 6 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang  
Ông Hồ Hùng Anh  
Ông Madhur Maini  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/9/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	30/9/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.932.804</b>	<b>9.221.223</b>	<b>4.336.142</b>	<b>2.643.573</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>6.115.293</b>	<b>5.718.717</b>	<b>2.405.364</b>	<b>2.160.026</b>
Tiền	111		348.385	151.205	30.182	9.484
Các khoản tương đương tiền	112		5.766.908	5.567.512	2.375.182	2.150.542
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>9</b>	<b>1.335.000</b>	<b>1.840.500</b>	-	<b>68.000</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>1.037.624</b>	<b>942.881</b>	<b>1.837.694</b>	<b>376.179</b>
Phải thu khách hàng	131		230.879	121.300	-	-
Trả trước cho người bán	132		511.154	475.436	212.293	117.773
Phải thu khác	135		296.526	346.523	1.625.401	258.406
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(935)	(378)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>1.218.101</b>	<b>563.855</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		1.231.157	575.846	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.056)	(11.991)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>226.786</b>	<b>155.270</b>	<b>93.084</b>	<b>39.368</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.291	27.492	3.686	496
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.433	105.858	41.125	30.243
Tài sản ngắn hạn khác	158		55.062	21.920	48.273	8.629

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/9/2013	31/12/2012	30/9/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>34.064.192</b>	<b>29.478.033</b>	<b>25.084.152</b>	<b>23.197.560</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>4</b>	<b>401.764</b>	<b>23.158</b>	<b>1.627.293</b>	<b>1.658.406</b>
Phải thu dài hạn khác	218		401.764	23.158	1.627.293	1.658.406
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.868.364</b>	<b>17.728.751</b>	<b>83.130</b>	<b>84.437</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.749.196	1.547.311	72.869	11.707
<i>Nguyên giá</i>	222		2,405,793	2.040.428	92.565	17.698
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(656.597)	(493.117)	(19.696)	(5.991)
Tài sản cố định vô hình	227	7	1.030.252	863.516	2.855	1.102
<i>Nguyên giá</i>	228		1.302.568	1.028.783	3.790	1.566
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(272.316)	(165.267)	(935)	(464)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	19.088.916	15.317.924	7.406	71.628
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>10.819.198</b>	<b>11.313.619</b>	<b>23.304.462</b>	<b>21.423.058</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	14.372.038	12.490.634
Đầu tư vào công ty liên kết	252		10.815.598	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		3.600	365.500	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>974.866</b>	<b>412.505</b>	<b>69.267</b>	<b>31.659</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	399.337	97.060	58.954	21.346
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	89.545	36.035	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		35.841	30.778	10.313	10.313
Lợi thế thương mại	269	12	450.143	248.632	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>43.996.996</b>	<b>38.699.256</b>	<b>29.420.294</b>	<b>25.841.133</b>

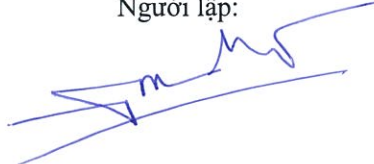
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/9/2013	31/12/2012	30/9/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>22.303.796</b>	<b>18.994.871</b>	<b>16.504.709</b>	<b>10.020.279</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.172.597</b>	<b>4.748.364</b>	<b>3.247.895</b>	<b>473.329</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	4.413.398	1.793.384	2.311.300	-
Phải trả người bán	312		1.112.277	973.856	138	1.854
Người mua trả tiền trước	313		12.653	14.490	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	475.105	608.893	200	-
Phải trả nhân viên	315		57.768	12.480	-	-
Chi phí phải trả	316	15	1.011.549	1.300.931	165.356	471.475
Phải trả khác	319	16	89.847	44.330	770.901	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.131.199</b>	<b>14.246.507</b>	<b>13.256.814</b>	<b>9.546.950</b>
Nợ dài hạn khác	333	16	232.488	737.832	1.581.592	2.170.428
Vay và nợ dài hạn	334	17	13.994.397	12.647.177	11.675.222	7.376.522
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	902.933	860.117	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	1.381	1.381	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>12.630.761</b>	<b>13.883.837</b>	<b>12.915.585</b>	<b>15.820.854</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>12.630.761</b>	<b>13.883.837</b>	<b>12.915.585</b>	<b>15.820.854</b>
Vốn cổ phần	411	20	7.051.409	6.872.801	7.051.409	6.872.801
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	7.999.167	7.999.167	7.999.167	7.999.167
Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	97.703	1.721.824	97.703	1.721.824
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(42.709)	(16.128)	-	-
Vốn khác	418		(8.635.642)	(8.619.479)	(1.586.675)	(530.235)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.160.833	5.925.652	(646.019)	(242.703)
<b>LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SÓ</b>	<b>439</b>		<b>9.062.439</b>	<b>5.820.548</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>43.996.996</b>	<b>38.699.256</b>	<b>29.420.294</b>	<b>25.841.133</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

	Mã số	Thuyết minh	Từ	Từ	Từ	Từ
			1/7/2013 đến 30/9/2013	1/7/2012 đến 30/9/2012	1/1/2013 đến 30/9/2013	1/1/2012 đến 30/9/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>3.274.033</b>	<b>2.701.124</b>	<b>7.628.973</b>	<b>6.865.258</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>39.019</b>	<b>27.995</b>	<b>123.880</b>	<b>130.254</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>3.235.014</b>	<b>2.673.129</b>	<b>7.505.093</b>	<b>6.735.004</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>1.840.616</b>	<b>1.588.558</b>	<b>4.492.075</b>	<b>4.053.262</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.394.398</b>	<b>1.084.571</b>	<b>3.013.018</b>	<b>2.681.742</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	92.349	128.542	319.466	684.680
Chi phí tài chính	22	25	121.927	80.463	278.848	251.827
Chi phí bán hàng	24		591.193	376.479	1.323.238	903.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		216.852	198.489	609.320	505.487
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>556.775</b>	<b>557.682</b>	<b>1.121.078</b>	<b>1.706.070</b>
Thu nhập khác	31	26	23.471	83.750	147.146	183.973
Chi phí khác	32	27	25.428	16.002	59.173	28.091
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.957)</b>	<b>67.748</b>	<b>87.973</b>	<b>155.882</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>28</b>	<b>(62.097)</b>	<b>(5.539)</b>	<b>(135.050)</b>	<b>82.502</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>492.721</b>	<b>619.891</b>	<b>1.074.001</b>	<b>1.944.454</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>229.735</b>	<b>100.888</b>	<b>526.032</b>	<b>271.527</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(45.675)</b>	<b>38.010</b>	<b>(62.178)</b>	<b>68.208</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>308.661</b>	<b>480.993</b>	<b>610.147</b>	<b>1.604.719</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

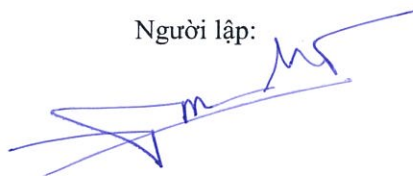
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

Mã số	Thuyết minh	Từ	Từ	Từ	Từ
		1/7/2013 đến 30/9/2013	1/7/2012 đến 30/9/2012	1/1/2013 đến 30/9/2013	1/1/2012 đến 30/9/2012
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)		<b>308.661</b>	<b>480.993</b>	<b>610.147</b>	<b>1.604.719</b>
<b>Phân bổ cho:</b>					
	Cổ đông thiểu số	194.013	164.194	359.022	438.687
	Chủ sở hữu của Công ty	114.648	316.799	251.125	1.166.032
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>					
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	29	161	453
				353	1.668

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Đic

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Tập đoàn**

	Mã số	Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ 1/7/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/7/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>3.274.033</b>	<b>2.701.124</b>	<b>7.628.973</b>	<b>6.865.258</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>39.019</b>	<b>27.995</b>	<b>123.880</b>	<b>130.254</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>3.235.014</b>	<b>2.673.129</b>	<b>7.505.093</b>	<b>6.735.004</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>1.840.616</b>	<b>1.588.558</b>	<b>4.492.075</b>	<b>4.053.262</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>1.394.398</b>	<b>1.084.571</b>	<b>3.013.018</b>	<b>2.681.742</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	92.349	128.542	319.466	684.680
Chi phí tài chính	22	121.927	80.463	278.848	251.827
Chi phí bán hàng	24	591.193	376.479	1.323.238	903.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	165.000	156.529	461.413	379.608
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>		<b>608.627</b>	<b>599.642</b>	<b>1.268.985</b>	<b>1.831.949</b>
Thu nhập khác	31	23.471	83.750	147.146	183.973
Chi phí khác	32	25.428	16.002	59.173	28.091
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(1.957)</b>	<b>67.748</b>	<b>87.973</b>	<b>155.882</b>
<b>Lợi nhuận từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>103.730</b>	<b>137.764</b>	<b>367.167</b>	<b>511.858</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>	<b>710.400</b>	<b>805.154</b>	<b>1.724.125</b>	<b>2.499.689</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>229.735</b>	<b>100.888</b>	<b>526.032</b>	<b>271.527</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>(42.054)</b>	<b>40.635</b>	<b>(51.812)</b>	<b>76.081</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>	<b>522.719</b>	<b>663.631</b>	<b>1.249.905</b>	<b>2.152.081</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Tập đoàn**

	Mã số	Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ 1/7/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/7/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>	<b>522.719</b>	<b>663.631</b>	<b>1.249.905</b>	<b>2.152.081</b>
<b>Phân bổ cho:</b>					
Cổ đông thiểu số	61	213.803	164.194	410.923	470.893
Chủ sở hữu của Công ty	62	308.916	499.437	838.982	1.681.188
<b>Lãi trên cổ phiếu</b> Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	435	714	1.180	2.405

(1)

- a) *Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 và 2012 và giá định Masan Tập đoàn đã sở hữu 30.44% lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.*
- b) *Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại tài sản cố định hữu hình và vô hình từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho trong kỳ chín kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 và 2012.*
- c) *Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thực Ăn Gia Súc trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013.*
- d) *Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013.*

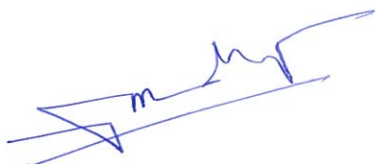
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

**Công ty**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/7/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	22	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ	02	22	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	11	23	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	301.978	267.521	900.629	921.056
Chi phí tài chính	22	25	468.243	362.317	1.207.691	979.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.789	168.229	169.566	188.674
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(224.054)</b>	<b>(263.025)</b>	<b>(476.628)</b>	<b>(246.701)</b>
Thu nhập khác	31	26	589	140.184	73.312	140.184
Chi phí khác	32	27	-	-	-	-
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>589</b>	<b>140.184</b>	<b>73.312</b>	<b>140.184</b>
<b>Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(223.465)</b>	<b>(122.841)</b>	<b>(403.316)</b>	<b>(106.517)</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lỗ thuần (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(223.465)</b>	<b>(122.841)</b>	<b>(403.316)</b>	<b>(106.517)</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.074.001</b>	<b>1.944.454</b>	<b>(403.316)</b>	<b>(106.517)</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		373.206	248.667	22.297	11.504
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03		10.948	30.251	-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04		(8.595)	(215)	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và phí duy trì hạn mức vay	05		7.386	2.820	-	-
Chi phí lãi vay và phí duy trì hạn mức vay	05		(258.559)	(677.850)	(892.649)	(920.988)
Lỗ/(lợi nhuận) từ các công ty liên kết	06		217.128	226.455	1.190.316	948.565
	07		135.050	(82.502)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.550.565</b>	<b>1.692.080</b>	<b>(83.352)</b>	<b>(67.436)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(400.549)	(108.426)	(235.792)	(141.945)
Biến động hàng tồn kho	10		(610.355)	(413.438)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		53.841	135.722	(21.538)	(64.148)
			<b>593.502</b>	<b>1.305.938</b>	<b>(340.682)</b>	<b>(273.529)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.153.379)	(547.334)	(484.817)	(237.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(655.679)	(218.320)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.308)	(11.629)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.240.864)</b>	<b>528.655</b>	<b>(825.499)</b>	<b>(510.828)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.258.112)	(4.033.157)	(15.297)	(64.182)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.557	1.146	-	-
Tiền chi cho vay các công ty con	23		-	-	(1.317.068)	-
Tiền thu hồi khoản vay từ công ty con	23		-	-	930.000	2.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(34.443.235)	(14.745.416)	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		35.314.235	13.664.916	68.000	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	24		-	373.000	-	373.000
Tiền chi đầu tư trái phiếu	25		-	(48.000)	-	(48.000)
Tiền thuần chi cho việc mua lại công ty con	25		(429.139)	-	-	-
Tiền đầu tư vào công ty con	26		(207.463)	-	(1.881.404)	-
Tiền chi ứng trước cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	26		-	(2.016.272)	-	(2.016.272)
Tiền thu thanh lý một phần của khoản đầu tư từ công ty con	26		1.061.861	-	-	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		418.802	662.754	32.090	183.999
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.541.494)</b>	<b>(6.141.029)</b>	<b>(2.183.679)</b>	<b>428.545</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		178.608	411.000	178.608	411.000
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		8.420.581	12.500	-	-
Tiền thu từ phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu và công cụ nợ	31		-	2.707.640	-	2.707.640
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		(3.490.092)	(4.634.395)	(3.490.092)	(4.634.395)
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		3.223.529	7.203.226	6.610.000	2.200.000
Tiền chi trả cho chi phí giao dịch	33		(306.235)	(54.065)	(44.000)	(54.065)
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(4.828.758)	(2.131.829)	-	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số bởi công ty con	36		(14.926)	(15.867)	-	-
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.182.707</b>	<b>3.498.210</b>	<b>3.254.516</b>	<b>630.180</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>400.349</b>	<b>(2.114.164)</b>	<b>245.338</b>	<b>547.897</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.718.717</b>	<b>9.573.593</b>	<b>2.160.026</b>	<b>1.510.736</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(3.773)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>6.115.293</b>	<b>7.459.429</b>	<b>2.405.364</b>	<b>2.058.633</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

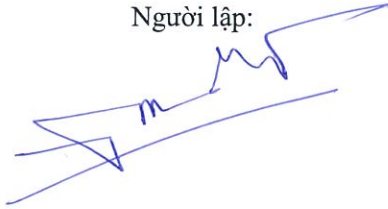
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
Tiền vay dài hạn được cân trừ với tiền chi trả khoản gốc vay, tiền lãi vay và các chi phí liên quan	2.616.426	-	-	-
Chi phí vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	865.827	-	-	-
Khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	32.340	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các khoản vay	-	796.524	-	796.524
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi các vốn khác của chủ sở hữu	-	6.358.643	-	6.358.643

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

*Tr*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Phần trăm lợi ích kinh tế tại</b>	
		<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	77,4%	80,8%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	77,4%	80,8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	73,2%	76,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	77,4%	80,8%
Công ty Cổ phần Ma San Agri (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ)	Tư vấn quản lý	39,5%	80,8%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/9/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,2%	43,0%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo (**)	Sản xuất đồ uống	49,2%	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	63,4%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	63,4%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	63,4%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	63,4%	65%

(\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

(\*\*) Vào ngày 27 tháng 3 năm 2013, một công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San đã hoàn tất việc mua lại 5.144.460 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) với tổng số tiền là 438.370 triệu VND. Việc mua cổ phiếu này đã giúp Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và Tập đoàn lần lượt sở hữu 63,51% và 49,2% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vĩnh Hảo tại ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(ii) Cơ sở hợp nhất**

##### ***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giá định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch *hợp nhất kinh doanh* cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phân chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty và Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 cung cấp hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong các doanh nghiệp. Theo đó, Công ty và Tập đoàn đã phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã không còn đủ điều kiện phân loại vào tài sản cố định theo Thông tư 45 (nguyên giá lớn hơn 10 triệu VND và thấp hơn 30 triệu VND) vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn và phân bổ các tài sản này trong thời gian không quá 3 năm từ ngày phân loại lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

**(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm đến 20 năm.

**(iv) Quan hệ khách hàng**

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(v) Tài nguyên nước khoáng**

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty và Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 cung cấp hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong các doanh nghiệp. Do đó, Công ty và Tập đoàn đã phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã không còn đủ điều kiện phân loại vào tài sản cố định theo Thông tư 45 (nguyên giá lớn hơn 10 triệu VND và thấp hơn 30 triệu VND) vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn và phân bổ các tài sản này trong thời gian không quá 3 năm từ ngày phân loại lại.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

**(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

**(v) Phí nâng cấp trang web**

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

**(iii) *Vốn khác***

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

**(q) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(r) Doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền mặt	1.763	4.652	494	2.797
Tiền gửi ngân hàng	345.622	146.553	29.688	6.687
Tiền đang chuyển	1.000	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	5.766.908	5.567.512	2.375.182	2.150.542
	<u>6.115.293</u>	<u>5.718.717</u>	<u>2.405.364</u>	<u>2.160.026</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**4. Các khoản phải thu**

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	206.244	1.516.677	224.902
Lãi trích trước phải thu từ:	9.601	82.686	578	2.902
Thuế giá trị gia tăng của nhà thầu nước ngoài	7.086	24.257	7.086	7.345
Các dịch vụ phải thu	30.483	23.257	30.483	23.257
Phải thu khác	107.112	10.079	70.577	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	296.526	346.523	1.625.401	258.406
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>				
Lãi phải thu dài hạn	-	23.158	-	-
Phải thu dài hạn khác	401.764	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	1.627.293	1.658.406
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	401.764	23.158	1.627.293	1.658.406

Phải thu khác từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
<b>Cổ tức phải thu từ Proconco – ngắn hạn</b>				
	-	64.000	-	-
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	1.374.433	82.658
Phi thương mại – dài hạn	-	-	1.627.293	1.658.406

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty bao gồm:

- a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 15% một năm với số tiền là 770.807 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 108 triệu USD, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014;
- b) Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014; và
- c) Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn còn lại từ các công ty liên quan khác với số tiền là 116.126 triệu VND không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- a) Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 4,25% đến 12% một năm với số tiền là 914.443 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 110 triệu USD và 2.200 tỷ VND, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2015 và 2016;
- b) 311.086 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm 2012; và
- c) 401.764 triệu VND là khoản vay và tiền lãi phải thu, được trả trong năm 2016.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	378	1.084
Tăng dự phòng trong kỳ	557	87
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(785)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(17)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>935</b>	<b>369</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**5. Hàng tồn kho**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Hàng mua đang đi đường	8.712	15.349	-	-
Nguyên vật liệu	474.876	396.321	-	-
Công cụ và dụng cụ	310.350	26.794	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.540	88.448	-	-
Thành phẩm	372.679	48.934	-	-
	<b>1.231.157</b>	<b>575.846</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.056)	(11.991)	-	-
	<b>1.218.101</b>	<b>563.855</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012</b>
	<b>đến 30/9/2013</b>	<b>đến 30/9/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	11.991	12.901
Tăng dự phòng trong kỳ	15.335	36.259
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(9.326)	(17.415)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.944)	(6.078)
	<b>13.056</b>	<b>25.667</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Nhà cửa và cấu trúc Triệu VND</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	453.709	22.525	69.412	1.454.828	39.954	2.040.428
Tăng do hợp nhất kinh doanh	37.523	-	320	39.941	8.465	86.249
Tăng trong kỳ	600	744	5.331	17.056	5.431	29.162
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	106.337	71.111	13.043	122.644	1.300	314.435
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(37)	(93)	(6.672)	(2.065)	(1.278)	(10.145)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(703)	-	(12.980)	(11.012)	(476)	(25.171)
Thanh lý	-	-	(451)	(28.519)	(195)	(29.165)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>597.429</b>	<b>94.287</b>	<b>68.003</b>	<b>1.592.873</b>	<b>53.201</b>	<b>2.405.793</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	53.957	11.661	26.792	382.084	18.623	493.117
Khấu hao trong kỳ	23.589	12.939	13.409	149.472	5.567	204.976
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(35)	-	(3.276)	(1.875)	(583)	(5.769)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(609)	-	(7.267)	(7.383)	(246)	(15.505)
Thanh lý	-	-	(396)	(19.682)	(144)	(20.222)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>76.902</b>	<b>24.600</b>	<b>29.262</b>	<b>502.616</b>	<b>23.217</b>	<b>656.597</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	399.752	10.864	42.620	1.072.744	21.331	1.547.311
Số dư cuối kỳ	520.527	69.687	38.741	1.090.257	29.984	1.749.196

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 111.465 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31/12/2012: 71.270 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 428 triệu VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31/12/2012: 921 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 50.941 triệu VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31/12/2012: 59.440 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình là 670.941 triệu VND (31/12/2012: 613.304 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	15.083	2.615	17.698
Tăng trong kỳ	584	794	1.378
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.111	3.733	74.844
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(437)	(437)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(918)	(918)
Số dư cuối kỳ	86.778	5.787	92.565
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	4.988	1.003	5.991
Khấu hao trong kỳ	12.603	1.748	14.351
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(311)	(311)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(335)	(335)
Số dư cuối kỳ	17.591	2.105	19.696
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	10.095	1.612	11.707
Số dư cuối kỳ	69.187	3.682	72.869

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**7. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm vi tính</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Quan hệ khách hàng</b>	<b>Tài nguyên nước khoáng</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	144.357	19.344	544.435	320.647	-	1.028.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.948	306	158.431	54.468	26.036	251.189
Tăng trong kỳ	2.246	5.820	-	-	-	8.066
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	15.097	-	-	-	15.097
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11)	(556)	-	-	-	(567)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>158.540</b>	<b>40.011</b>	<b>702.866</b>	<b>375.115</b>	<b>26.036</b>	<b>1.302.568</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	15.920	10.601	63.927	74.819	-	165.267
Khấu hao trong kỳ	3.238	5.122	46.155	50.890	1.736	107.141
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(92)	-	-	-	(92)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.158</b>	<b>15.631</b>	<b>110.082</b>	<b>125.709</b>	<b>1.736</b>	<b>272.316</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	128.437	8.743	480.508	245.828	-	863.516
Số dư cuối kỳ	139.382	24.380	592.784	249.406	24.300	1.030.252

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản có trị giá 2.551 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31/12/2012: 1.931), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 51.529 triệu VND (31/12/2012: 53.659 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các Công ty con.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Phần mềm vi tính Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	1.566
Tăng trong kỳ	81
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.161
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(18)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.790
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	464
Khấu hao trong kỳ	475
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	935
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	1.102
Số dư cuối kỳ	2.855
	<hr/> <hr/>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	215	-	-	-
Tăng trong kỳ	4.109.483	3.936.695	13.397	63.473
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(314.435)	(504.862)	(74.844)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(15.097)	(1.905)	(2.161)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.036)	(6.722)	(41)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.138)	-	(573)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	19.088.916	12.848.273	7.406	67.041
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 865.827 triệu VND (giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 766.099 triệu VND).

**9. Các khoản đầu tư**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào các công ty con (a)	-	-	14.372.038	12.490.634
Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	10.815.598	10.948.119	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (c)	3.600	365.500	-	-
	<b>10.819.198</b>	<b>11.313.619</b>	<b>23.304.462</b>	<b>21.423.058</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (d)	1.335.000	1.840.500	-	68.000
	<b>1.335.000</b>	<b>1.840.500</b>	<b>-</b>	<b>68.000</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	10.540.924	10.333.461
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	1.199.373
	<b>14.372.038</b>	<b>12.490.634</b>

**(a) Đầu tư vào các công ty con**

Trong tháng 1 năm 2013, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San với tổng giá trị thanh toán bằng tiền là 207 tỷ VND.

**(b) Đầu tư các công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,44% (31/12/2012: 30,44%) và 15,8% (31/12/2012: 32,32%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2013.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Đầu tư dài hạn khác**

Chi tiết của các khoản phải thu dài hạn khác như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Các khoản tiền gửi tại ngân hàng	-	365.500
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.600	-
	<hr/>	<hr/>
	3.600	365.500
	<hr/>	<hr/>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo vào 1.200.000 cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo phản ánh 14,75% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo.

**(d) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 6% - 6,8% trong kỳ (31/12/2012: 8%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	<b>Chi phí trước hoạt động Triệu VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước Triệu VND</b>	<b>Trục in Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí nâng cấp trang web Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	56.796	2.286	755	15.877	21.210	136	97.060
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	6.061	-	-	6.061
Tăng trong kỳ	-	-	2.532	7.251	306.235	-	316.018
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	6.036	-	-	6.036
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	9.666	-	-	9.666
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	475	-	-	475
Phân bổ trong kỳ	-	(45)	(2.474)	(14.316)	(14.047)	(136)	(31.018)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(4.618)	-	-	(4.618)
Thanh lý	-	-	(73)	(270)	-	-	(343)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.796</b>	<b>2.241</b>	<b>740</b>	<b>26.162</b>	<b>313.398</b>	<b>-</b>	<b>399.337</b>

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí nâng cấp trang web Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	21.210	136	-	21.346
Tăng trong kỳ	44.000	-	441	44.441
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	41	41
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	583	583
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	14	14
Phân bổ trong kỳ	(6.854)	(136)	(481)	(7.471)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.356</b>	<b>-</b>	<b>598</b>	<b>58.954</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**11. Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại**

*Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:*

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/9/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	30/9/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>				
Chiết khấu hàng bán phải trả	5.878	9.133	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	35.982	14.193	-	-
Chi phí vận chuyển phải trả	16.658	6.677	-	-
Chi phí phải trả khác	7.381	4.041	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	23.646	1.991	-	-
	<hr/>	<hr/>		
	89.545	36.035	-	-
	<hr/>	<hr/>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	(13.753)	(11.330)	-	-
Tài sản cố định vô hình	(138.159)	(97.766)	-	-
	<hr/>	<hr/>		
	(902.933)	(860.117)	-	-
	<hr/>	<hr/>		
	(813.388)	(824.082)	-	-
	<hr/>	<hr/>		

**12. Lợi thế thương mại**

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	284.728
Tăng trong kỳ	236.217
	<hr/>
	520.945
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	36.096
Khấu hao trong kỳ	34.706
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	70.802
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	248.632
Số dư cuối kỳ	450.143
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	1.927.853	1.540.393	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	2.485.545	252.991	2.311.300	-
	4.413.398	1.793.384	2.311.300	-

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền tệ	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	1.085.053	1.540.393	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	842.800	-	-	-
		1.927.853	1.540.393	-	-

**14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>30/9/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.138	535.785	-	-
Thuế giá trị gia tăng	28.637	39.626	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	7.454	11.446	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.919	14.126	-	-
Các loại thuế khác	10.957	7.910	200	-
	475.105	608.893	200	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Lãi vay phải trả	204.423	549.848	137.171	415.560
Phải trả cho xây dựng công trình	56.797	195.070	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	235.854	139.125	-	-
Phí tư vấn	65.915	127.954	12.970	38.074
Thưởng và lương tháng 13	134.921	98.624	-	-
Chiết khấu hàng bán	29.291	41.188	-	-
Chi phí vận chuyển	76.164	30.615	-	-
Thuế nhà thầu	8.595	31.183	3.489	10.013
Chi phí hàng tồn kho phải trả	52.903	28.139	-	-
Các khoản khác	146.686	59.185	11.726	7.828
	<b>1.011.549</b>	<b>1.300.931</b>	<b>165.356</b>	<b>471.475</b>

**16. Phải trả khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	3.905	226	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	-	480	-	-
Phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	770.901	-
Phải trả khác	85.942	43.624	-	-
	<b>89.847</b>	<b>44.330</b>	<b>770.901</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	1.493.955	1.432.596
Phải trả dài hạn	41.394	381.563	27.076	381.563
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	191.094	356.269	60.561	356.269
	<b>232.488</b>	<b>737.832</b>	<b>1.581.592</b>	<b>2.170.428</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay dài hạn (a)	8.047.656	6.667.882	8.410.000	4.000.000
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	1.176.522	1.176.522	1.176.522	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo	4.400.000	2.200.000	4.400.000	2.200.000
	<b>16.479.942</b>	<b>12.900.168</b>	<b>13.986.522</b>	<b>7.376.522</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(2.485.545)	(252.991)	(2.311.300)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	13.994.397	12.647.177	11.675.222	7.376.522

**a. Vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>30/9/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	2.341.570	2.397.355	-	-
Tiền Đô la Mỹ	5.706.086	4.270.527	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	8.410.000	4.000.000
	<b>8.047.656</b>	<b>6.667.882</b>	<b>8.410.000</b>	<b>4.000.000</b>

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 10.5%-15% và phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## **18. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.807	8.564
Dự phòng lập trong kỳ	-	732
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(692)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(426)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.381	8.604

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**19. Biến động của vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông thiếu số Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	-	783.465	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	-	411.000	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	1.721.824	-	-	-	1.721.824	-	1.721.824
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	(22.447)	-	(22.447)	34.947	12.500
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	-	(530.235)	-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	2.501	-	-	2.501	1.351	3.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.166.032	1.166.032	438.687	1.604.719
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(15.867)	(15.867)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(10.916)	(10.916)	(10.701)	(21.617)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2012</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(13.565)</b>	<b>(7.122.663)</b>	<b>5.835.152</b>	<b>15.292.716</b>	<b>6.127.797</b>	<b>21.420.513</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Vốn khác</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đồng vốn chủ sở hữu của Công ty</b>	<b>Cổ đông thiểu số</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	1.155.043	-	1.155.043	1.841.721	2.996.764
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc thanh lý một phần khoản đầu tư của công ty con	-	-	-	-	44.664	-	44.664	1.017.197	1.061.861
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	116.139	116.139
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(159.430)	-	(159.430)	(48.033)	(207.463)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	-	(1.056.440)	-	(2.680.561)	-	(2.680.561)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(26.581)	-	-	(26.581)	(12.663)	(39.244)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	251.125	251.125	359.022	610.147
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(14.926)	(14.926)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(15.944)	(15.944)	(16.566)	(32.510)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2013</b>	<b>7.051.409</b>	<b>7.999.167</b>	<b>97.703</b>	<b>(42.709)</b>	<b>(8.635.642)</b>	<b>6.160.833</b>	<b>12.630.761</b>	<b>9.062.439</b>	<b>21.693.200</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	344.440	439.025	-	-	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	1.721.824	-	-	1.721.824
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(4.104.160)	(530.235)	-	(4.634.395)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(106.517)	(106.517)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2012</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(530.235)</b>	<b>(128.966)</b>	<b>15.934.591</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	<b>6.872.801</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(530.235)</b>	<b>(242.703)</b>	<b>15.820.854</b>
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	178.608
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	(1.056.440)	-	(2.680.561)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(403.316)	(403.316)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2013</b>	<b>7.051.409</b>	<b>7.999.167</b>	<b>97.703</b>	<b>(1.586.675)</b>	<b>(646.019)</b>	<b>12.915.585</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	705.140.873	7.051.409	687.280.123	6.872.801
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	705.140.873	7.051.409	687.280.123	6.872.801
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	7.999.167	-	7.999.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013		Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu kỳ/năm	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	96.463.766	964.638
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi công cụ nợ	-	-	34.444.088	344.440
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	17.860.750	178.608	41.100.000	411.000
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>705.140.873</b>	<b>7.051.409</b>	<b>687.280.123</b>	<b>6.872.801</b>

**21. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

## 22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	7.624.016	6.865.258	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	4.957	-	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(105.412)	(108.033)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(18.468)	(22.221)	-	-
Doanh thu thuần	7.505.093	6.735.004	-	-

## 23. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	4.481.684	4.023.081	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.391	30.181	-	-
	4.492.075	4.053.262	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến 30/9/2013</u>	<u>Từ 1/1/2012</u> <u>đến 30/9/2012</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến 30/9/2013</u>	<u>Từ 1/1/2012</u> <u>đến 30/9/2012</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	258.559	649.326	27.524	185.587
• Đầu tư trái phiếu	-	28.524	-	28.524
• Cho công ty con vay	-	-	72.382	164.400
Phí duy trì hạn mức vay cho các công ty con	-	-	792.743	542.477
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	60.239	4.724	7.980	68
Doanh thu hoạt động tài chính khác	668	2.106	-	-
	<b>319.466</b>	<b>684.680</b>	<b>900.629</b>	<b>921.056</b>

**25. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến 30/9/2013</u>	<u>Từ 1/1/2012</u> <u>đến 30/9/2012</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến 30/9/2013</u>	<u>Từ 1/1/2012</u> <u>đến 30/9/2012</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	110.171	111.870	-	-
• Các trái chủ	106.957	114.585	358.211	287.315
• Công ty con	-	-	591.486	416.950
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	240.619	251.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.109	2.395	77	2.271
Chi phí tài chính khác	28.611	22.977	17.298	20.969
	<b>278.848</b>	<b>251.827</b>	<b>1.207.691</b>	<b>979.083</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**26. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu hồi chi phí từ công ty mẹ	-	140.184	-	140.184
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.557	1.146	-	-
Thu từ bán phế liệu	49.684	16.340	-	-
Thu nhập khác	95.905	26.303	73.312	-
	147.146	183.973	73.312	140.184

**27. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và tài sản dài hạn đã thanh lý	8.944	3.966	-	-
Chi phí bán phế liệu	46.503	12.232	-	-
Chi phí khác	3.726	11.893	-	-
	59.173	28.091	-	-

**28. (Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	367.167	514.717	-	-
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(502.217)	(432.215)	-	-
	(135.050)	82.502	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**29. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 251.125 triệu VND (kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 1.166.032 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 710.801.203 cổ phiếu (kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 699.040.982 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	251.125	1.166.032

(ii) **Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	687.280.123	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền mặt	12.070.727	17.550.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	-	11.816.585
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho vốn khác	-	96.463.766
Ảnh hưởng của việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	24.313.661
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	11.450.353	33.624.701
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	710.801.203	699.040.982



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Tập đoàn**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	140.184
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì	-	6.539
Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Phí dịch vụ và trích trước Chi phí xây dựng ứng trước	- -	11.077 750
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	35.944	25.811

*(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 và 30 tháng 9 năm 2012.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Bản chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 Triệu VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	140.184
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con Chi phí lãi vay Phí duy trì hạn mức vay	4.410.000 591.486 240.619	- 416.950 251.578
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Cấp vốn cho công ty con	1.673.941	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay Khoản vay cấp cho công ty con Thu hồi khoản vay từ công ty con	57.686 302.631 930.000 930.000	146.503 251.578 - 2.000.000
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sân Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	490.112	290.899
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Khoản vay cấp cho công ty con Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	387.068 14.696	- -
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	5.986	4.431

*(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 và 30 tháng 9 năm 2012.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**31. Giải trình biến động lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế quý 3 năm 2013 của Tập đoàn là 309 tỷ VND so với lợi nhuận thuần của cùng kỳ năm trước là 481 tỷ VND, giảm 36% là do:

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết giảm do lợi nhuận của Techcombank giảm (tác động bởi điều kiện kinh doanh đầy thách thức trong lĩnh vực ngân hàng) và phát sinh phân bổ lợi thế thương mại (của giao dịch mua cổ phần công ty Proconco).
- Doanh thu tài chính giảm do giảm lãi suất tiền gửi.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San tăng do tăng cường chiến lược xây dựng thương hiệu.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ quý 3 năm 2013 của Công ty lỗ 223 tỷ VND so với khoản lỗ 123 tỷ VND của cùng kỳ năm trước là do giảm doanh thu tài chính.

Người lập:

Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

*Eric*